

FACTORS INFLUENCING DENTAL TREATMENT NEEDS AMONG MEDICAL STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY

Vu Le Ha^{1,2*}, Nguyen Huu Huynh², Tang Van Ngoc², Tran Anh Tuan¹, Vo Nhat Minh¹

¹Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Trung Tu Ward, Dong Da Dist, Hanoi City, Vietnam

²Nhu Ngoc Dental Clinic - 21 Tran Quang Dieu, Dong Da Dist, Hanoi City, Vietnam

Received: 11/10/2024

Revised: 22/10/2024; Accepted: 26/10/2024

ABSTRACT

Objective: Investigate the most prevalent factors influencing the demand for dental treatment among medical students in Hanoi, establish the correlation between treatment-seeking attitudes and the sociological characteristics of medical students in Hanoi.

Materials and Methods: A descriptive cross-sectional study was conducted involving 84 medical students at Hanoi Medical University from August 2024 to January 2024.

Results: The majority of students (58.3%) were aged 19-20. Most students sought dental care only when experiencing tooth pain or detecting abnormalities in the mouth (77.4%). Scaling was the most common procedure (57.1%), and most students preferred receiving treatment at private facilities (51.2%). The primary factors when choosing a dentist were professional qualifications, professional attitude, and clinic hygiene standards.

Conclusions: The study highlights the multidimensional nature of accessing and utilizing dental care services, with a trend toward seeking care only when problems arise and favoring private dental facilities.

Keywords: Demand for dental treatment, medical students, Hanoi Medical University.

*Corresponding author

Email: halevu89@gmail.com Phone: (+84) 923423691 [Https://doi.org/10.52163/yhc.v65i6.1710](https://doi.org/10.52163/yhc.v65i6.1710)

KHẢO SÁT CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI NHU CẦU ĐIỀU TRỊ RĂNG HÀM MẶT CỦA SINH VIÊN Y KHOA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Vũ Lê Hà^{1,2*}, Nguyễn Hữu Huynh², Tăng Văn Ngọc², Trần Anh Tuấn¹, Võ Nhật Minh¹

¹Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

²Nha khoa Như Ngọc - 21 Trần Quang Diệu, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 11/10/2024

Chỉnh sửa ngày: 22/10/2024; Ngày duyệt đăng: 26/10/2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát các yếu tố chính và phổ biến nhất ảnh hưởng đến nhu cầu điều trị răng hàm mặt của sinh viên y khoa tại địa bàn Hà Nội, xác định mối tương quan giữa thái độ đối với nhu cầu điều trị và đặc điểm xã hội học của sinh viên y khoa tại địa bàn Hà Nội.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 84 sinh viên ngành y khoa Trường Đại học Y Hà Nội được thực hiện từ tháng 8/2024 đến tháng 1/2025.

Kết quả: Phần lớn sinh viên (58,3%) ở độ tuổi 19-20. Họ thường chỉ khám khi có triệu chứng đau răng hoặc bất thường trong miệng (77,4%). Thủ thuật phổ biến nhất là lấy cao răng (57,1%), và đa số sinh viên chọn điều trị tại các cơ sở ngoài công lập (51,2%). Yếu tố ưu tiên khi chọn nha sỹ là trình độ chuyên môn, thái độ chuyên nghiệp và vệ sinh phòng khám.

Kết luận: Nghiên cứu khẳng định sự đa chiều của việc sử dụng dịch vụ chăm sóc răng miệng, với xu hướng chỉ khám khi có vấn đề và ưu tiên các cơ sở nha khoa ngoài công lập.

Từ khóa: Nhu cầu điều trị răng hàm mặt, sinh viên y khoa, Đại học Y Hà Nội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với việc nhận thức và nhu cầu điều trị của bệnh nhân ngày càng tăng, đi cùng với đó là những mối quan tâm ngày càng nhiều về chất lượng dịch vụ y tế và yếu tố liên quan tới bác sỹ điều trị [1].

Với chất lượng dịch vụ y tế, việc cung cấp dịch vụ của các phòng khám nha khoa có sự khác biệt về thủ tục y tế, lĩnh vực điều trị, trình độ chuyên môn, gây ra nhiều khó khăn và lo ngại cho bệnh nhân trong việc lựa chọn điều trị [2]. Chỉ trong tháng 9/2024, Quyết định QĐ 28/SYT-QĐ của Sở Y tế Hà Nội đã thu hồi giấy phép của 10 đơn vị cơ sở chuyên khoa răng hàm mặt do không đủ điều kiện hoạt động chuyên môn khám, chữa bệnh. Điều đó thể hiện rằng, bệnh nhân đang không được tiếp nhận những dịch vụ điều trị nha khoa chất lượng [3].

Phần lớn bệnh nhân lựa chọn phòng khám nha khoa chỉ dựa trên thủ thuật điều trị mang lại. Tuy nhiên, từ năm 1989, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng: Bệnh nhân thường không biết gì về các dịch vụ được cung cấp trong cơ sở y tế. Với sự phát triển của công nghệ, bệnh nhân dường như dễ tiếp cận hơn với các phòng khám có khả năng truyền thông, cũng như bằng cấp của các nha sỹ và mối quan hệ giữa các nhân viên y tế đối với

bệnh nhân và đối với nhau. Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 300 bệnh nhân tại phòng khám nha khoa tư nhân và công lập của Ragna Lampretch và cộng sự đã chỉ ra rằng, bệnh nhân đòi hỏi ở chất lượng dịch vụ y tế được cung cấp, đặt lịch hẹn vào thời điểm thuận tiện, địa điểm điều trị, chất lượng trang thiết bị y tế, thời gian chờ đợi đều được đưa ra một cách nhất quán là có ý nghĩa quan trọng với bệnh nhân [4].

Đối với bác sỹ, các đặc điểm liên quan tới năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, sự kiên nhẫn và thái độ cầu thị lắng nghe ý kiến của bệnh nhân đóng góp vào kế hoạch điều trị được đánh giá cao [4].

Đối tượng sinh viên y khoa nói riêng và sinh viên y tế nói chung đều đang gặp khó khăn trong việc lựa chọn một cơ sở khám chữa bệnh nha khoa thích hợp. Mặc dù được tiếp cận với kiến thức y tế một cách thường xuyên, tuy nhiên ý thức chăm sóc sức khỏe răng miệng của sinh viên y khoa không cao. Tỷ lệ sâu răng nói chung trên 770 đối tượng sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội trong nghiên cứu của Hồng Thúy Hạnh và cộng sự là 84,55%, thuộc phân nhóm cao theo quy chuẩn đánh giá Tổ chức Y tế thế giới (1997) [5]. Chỉ số vệ sinh răng miệng đơn

*Tác giả liên hệ

giản OHI-S và chỉ số lợi GI ở mức thấp trên một nghiên cứu của Drachev S.N trên một nghiên cứu có đối chứng giữa 422 sinh viên y khoa và 285 sinh viên nha khoa [6].

Sinh viên y khoa đang gặp thách thức trong việc lựa chọn một cơ sở điều trị răng hàm mặt phù hợp; không những là sự khó khăn về kinh tế mà còn là sự hiểu biết về kiến thức chăm sóc nha khoa cũng như địa điểm chăm sóc răng miệng đáp ứng nhu cầu, không biết cách để lựa chọn ra địa điểm thích hợp nhất để tiếp nhận điều trị. Với những kiến thức y tế, họ đều hiểu rằng: Việc tìm kiếm được một cơ sở y tế hành nghề đặt vấn đề về đạo đức nghề nghiệp là rất quan trọng. Vậy nên, chúng tôi thực hiện nghiên cứu với 2 mục tiêu chính: (1) *Khảo sát các yếu tố chính và phổ biến nhất ảnh hưởng đến nhu cầu điều trị răng hàm mặt của sinh viên y khoa tại địa bàn Hà Nội*; (2) *Xác định mối tương quan giữa thái độ đối với nhu cầu điều trị và đặc điểm xã hội học của sinh viên y khoa tại địa bàn Hà Nội*.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8/2024 đến tháng 1/2025 tại Trường Đại học Y Hà Nội.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên y khoa Trường Đại học Y Hà Nội.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Từ 18 tuổi trở lên, là sinh viên ngành y khoa Trường Đại học Y Hà Nội, tự nguyện tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Không đáp ứng các tiêu chuẩn trên.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Cơ mẫu nghiên cứu

84 sinh viên y khoa Trường Đại học Y Hà Nội.

2.4.2. Kỹ thuật thu thập dữ liệu

Bộ câu hỏi gồm 2 phần:

- Phần I: Nhóm câu hỏi về đặc điểm của cộng đồng nghiên cứu.

- Phần II: Nhóm câu hỏi liên quan tới việc lựa chọn phòng khám; mỗi câu hỏi đều có 5 mức trả lời: Hoàn toàn đồng ý, đồng ý, phân vân, không đồng ý, hoàn toàn không đồng ý. Bộ câu hỏi được thiết kế và phỏng vấn thử cho các nhân viên y tế một cách ngẫu nhiên để hiệu chỉnh cho phù hợp. Những đối tượng đủ điều kiện tham gia vào nghiên cứu tham gia khảo sát dựa trên biểu mẫu khảo sát ở Google đã được tạo theo bộ câu hỏi được chuẩn bị sẵn.

2.4.3. Xử lý số liệu

Số liệu được quản lý bằng phần mềm Epidata 3.1; phân tích và xử lý số liệu được thực hiện trên phần mềm Stata 16.0.

Ở bảng 2 và bảng 3, điểm trung bình của mỗi câu hỏi được tính bằng tổng số điểm lựa chọn và chia cho số sinh viên được lựa chọn tham gia nghiên cứu: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Phân vân; 4- Đồng ý; 5- Hoàn toàn đồng ý.

2.5. Đạo đức trong nghiên cứu

Đối tượng được phổ biến rõ về mục đích, phương pháp thu thập số liệu, những lợi ích và rủi ro có thể gặp phải, các đối tượng hoàn toàn tự nguyện tham gia nghiên cứu. Kết quả khảo sát chỉ phục vụ vào mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng tham gia nghiên cứu (n = 84)

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Khu vực sống	Đô thị	46	54,8
	Nông thôn	38	45,2
Mức độ thu nhập	Nhóm 1	2	2,4
	Nhóm 2	3	3,6
	Nhóm 3	13	15,5
	Nhóm 4	12	14,3
	Nhóm 5	54	64,3
Tần suất thăm khám	1 tháng 1 lần	7	8,3
	3 tháng 1 lần	0	0
	6 tháng 1 lần	4	4,8
	1 năm 1 lần	8	9,5
	Chỉ khi đau răng hoặc phát hiện bất thường	65	77,4
Loại điều trị được tiếp nhận điều trị	Điều trị nội nha (diệt tủy, điều trị tủy)	12	14,3
	Nhổ răng	43	51,2
	Phục hình (làm răng giả, trồng răng giả, chụp bọc răng)	8	9,5
	Trám, hàn răng	39	46,4
	Lấy cao răng	48	57,1
	Tẩy trắng	6	7,1
	Chỉnh nha	12	14,3
	Khác	5	6,0

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Loại phòng khám thường tới	Công lập	11	13,1
	Ngoài công lập	43	51,2
	Cả 2 loại phòng khám	30	35,7

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên đã sinh sống ở thành thị và nông thôn không có sự chênh lệch đáng kể, mức sống của gia đình chủ yếu ở nhóm 5. Đa số các đối tượng sinh viên đi khám khi phát hiện bất thường (77,4%). Trong các nhóm dịch vụ, đa phần sinh viên y khoa tiếp nhận điều trị lấy cao răng (57,1%) và trám, hàn răng (46,4%). Tỷ lệ lựa chọn môi trường ngoài công lập cao hơn nhiều so với việc lựa chọn các môi trường công lập.

Bảng 2. Mức độ ưu tiên khi đưa ra lựa chọn thăm khám dựa trên tiêu chí đối với con người (bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, nhân viên khác của cơ sở điều trị răng hàm mặt) (n = 84)

Đặc điểm					
Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Điểm trung bình
Hiệu quả điều trị qua feedback					
1 (1,19%)	1 (1,19%)	10 (11,90%)	52 (61,90%)	20 (23,91%)	4,05
Năng lực chuyên môn của bác sỹ					
1 (1,19%)	0	10 (11,90%)	46 (54,76%)	27 (32,14%)	4,17
Tính kiên nhẫn của bác sỹ					
1 (1,19%)	1 (1,19%)	14 (16,67%)	49 (58,33%)	19 (22,62%)	4
Danh tiếng của bác sỹ					
2 (2,38%)	1 (1,19%)	21 (25,00%)	47 (55,95%)	13 (15,48%)	3,8
Sự tôn trọng của bác sỹ dành cho bệnh nhân					
1 (1,19%)	1 (1,19%)	6 (7,14%)	51 (60,71%)	25 (29,76%)	4,17
Sự thân thiện của đội ngũ nhân viên					
1 (1,19%)	1 (1,19%)	8 (9,52%)	48 (57,14%)	26 (30,95%)	4,15

Nhận xét: Hầu hết sinh viên quan tâm tới sự tôn trọng của bác sỹ dành cho bệnh nhân cũng như năng lực chuyên môn của bác sỹ được ghi nhận trên bảng cấp, chức vụ (4,17 điểm), tỷ lệ bệnh nhân lựa chọn bác sỹ vì danh tiếng ghi nhận qua truyền thông chiếm số điểm trung bình thấp nhất (3,8 điểm).

Bảng 3. Mức độ ưu tiên khi đưa ra lựa chọn thăm khám dựa trên tiêu chí đối với cơ sở vật chất và cách vận hành nói chung (n = 84)

Đặc điểm					
Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Điểm trung bình
Mức độ thuận tiện trong việc đi lại					
0	0	6 (7,14%)	48 (57,14%)	30 (35,71%)	4,29
Chi phí điều trị					
0	0	6 (7,14%)	37 (44,05%)	41 (48,81%)	4,42
Được giới thiệu bởi bạn bè hoặc người thân					
1 (1,19%)	1 (1,19%)	19 (22,62%)	41 (48,81%)	22 (26,19%)	3,98
Mức độ thuận tiện, dễ dàng lên lịch hẹn và tuân thủ theo lịch hẹn					
1 (1,19%)	1 (1,19%)	5 (5,95%)	50 (59,52%)	27 (32,14%)	3,88
Vấn đề vệ sinh tại phòng khám					
0	0	5 (5,95%)	36 (42,86%)	43 (51,19%)	4,46
Danh tiếng phòng khám					
1 (1,19%)	2 (2,38%)	17 (20,24%)	42 (50,00%)	22 (26,19%)	3,98
Hình thức thanh toán					
4 (4,76%)	9 (10,71%)	18 (21,43%)	36 (42,86%)	17 (20,24%)	3,63
Cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện tại					
0	0	6 (7,14%)	42 (50,00%)	36 (42,86%)	4,36

Nhận xét: Khi lựa chọn địa điểm tiếp nhận điều trị nha khoa, đối tượng sinh viên y khoa thường quan tâm tới vấn đề vệ sinh tại phòng khám (4,46 điểm), và chi phí điều trị (4,42 điểm). Bệnh nhân có xu hướng ít ưu tiên lựa chọn khoảng cách di chuyển và lịch hẹn thuận lợi (3,88 điểm).

4. BÀN LUẬN

Thăm khám định kỳ là phương án dự phòng bệnh lý, cải thiện chất lượng cuộc sống hàng đầu. Tuy nhiên, các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của mọi người đối với dịch vụ chăm sóc răng miệng được chứng minh là rất phức tạp. Vahid Moshkelgosha và cộng sự chỉ ra rằng, quyết định điều trị phụ thuộc vào các biến số chính như khả năng tiếp cận dịch vụ, yếu tố tài chính và thái độ, trình độ của nhân viên y tế. Với yêu cầu ngày càng cao của bệnh nhân, các nghiên cứu cũng đồng thuận rằng, sự hài lòng của bệnh nhân đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe răng miệng được công nhận là các biện pháp chính nhằm duy trì chất lượng phòng khám nha khoa [7].

Kết quả nghiên cứu này chỉ ra rằng, phần lớn sinh viên chỉ đi khám khi phát hiện bất thường (77,4%), trong khi tỷ lệ sinh viên thăm khám định kỳ là rất ít. Tỷ lệ trên là cao hơn rất nhiều so với kết quả nghiên cứu của Ungureanu M.I và cộng sự, khi tỷ lệ thăm khám nha khoa định kỳ rất cao (72,15%) so với nhóm bệnh nhân chỉ đến thăm khám khi đau răng (27,85%). Điều đó cho thấy, mặc dù có nhiều kiến thức về sức khỏe, tuy nhiên các sinh viên y khoa chưa có sự quan tâm tới sức khỏe răng miệng [8].

Sinh viên thường có xu hướng chọn các cơ sở y tế tư nhân để thăm khám răng miệng so với cơ sở công lập. Kết quả này tương đồng so với nghiên cứu trên 724 bệnh nhân của Ungureanu M.I và cộng sự. Nhu cầu điều trị của bệnh nhân không dừng lại ở điều trị bệnh lý mà còn là sự đòi hỏi về tiếp nhận dịch vụ nha khoa, sự đơn giản trong các thủ tục hành chính cũng như thanh toán chi phí [8].

Khi xem xét các mức độ ưu tiên khi đưa ra lựa chọn thăm khám dựa trên tiêu chí đối với con người, Sinh viên ưu tiên chọn bác sỹ có năng lực chuyên môn được công nhận qua bằng cấp. Theo Vahid Moshkelgosha, chi phí chi trả cho khám chữa bệnh là vấn đề được quan tâm nhiều nhất. Nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt là do chi phí điều trị nha khoa ở nước ngoài thường quá cao so với sinh viên. Điều này ngược lại so với Việt Nam với mức chi phí điều trị hợp lý với các thành phần kinh tế trong xã hội. Mặt khác, sinh viên y khoa có hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực sức khỏe cũng như được giáo dục thường xuyên, họ đánh giá cao những bác sỹ có trình độ và năng lực thực sự; chú tâm đến vấn đề kiểm soát nhiễm khuẩn với mong muốn được tiếp nhận một dịch vụ nha khoa tốt, tránh lây nhiễm chéo cũng như các hệ quả phát sinh [7].

Giống với kết quả nghiên cứu của Ragna Lamprecht, thái độ của bác sỹ đối với bệnh nhân là yếu tố nhận được sự ưu tiên lớn của sinh viên. Bệnh nhân chưa thể đánh giá chính xác trình độ của một bác sỹ ngay tại thời điểm thăm khám mà cần thông qua giao tiếp, thái độ và hiệu quả điều trị; đồng thời, bệnh nhân có nhu cầu trong việc tiếp nhận thêm kiến thức, đóng góp các ý kiến chung vào phác đồ điều trị mà nha sỹ đưa ra. Các bệnh nhân cảm thấy thoải mái khi họ nhận được sự đồng cảm lớn từ bác sỹ về điều kiện kinh tế, giới tính, địa vị xã hội hay quốc tịch. Nghiên cứu cũng khuyến nghị về việc nha sỹ cần được đào tạo thêm về giao tiếp và phát huy các kỹ năng xã hội, các yếu tố này cần được đưa vào quá trình giảng dạy [4].

Danh tiếng của bác sỹ thông qua các phương tiện truyền thông là yếu tố mà các sinh viên y khoa ít quan tâm tới nhất. Nhận thức về truyền thông của sinh viên y khoa được nâng cao với tư duy y học bằng chứng, họ có sự hiểu biết nhất định về sự khó kiểm chứng của quảng cáo. Sinh viên y khoa cần xác thực và kiểm chứng chính xác trình độ trên văn bằng hành nghề - bằng chứng xác thực nhất cho trình độ của nha sỹ.

5. KẾT LUẬN

Hầu hết các sinh viên y khoa chưa có ý thức chăm sóc răng miệng định kỳ, do đó ngành răng hàm mặt cũng như khối ngành sức khỏe cần đẩy mạnh truyền thông về tầm quan trọng của tầm soát sức khỏe răng miệng định kỳ. Sinh viên y khoa thường có mức độ ưu tiên với những bác sỹ có kỹ năng xã hội và thái độ tốt với bệnh nhân cũng như trình độ của bác sỹ. Kỹ năng xã hội là yếu tố được đánh giá là quan trọng hơn so với trình độ và được đề xuất đưa vào chương trình đào tạo chính quy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Abdullah Z, John J, Minimally Invasive Treatment of White Spot Lesions - A Systematic Review, *Oral Health Prev Dent*, 2016, 14(3): 197-205.
- [2] The role of dentist, practice and patient factors in the provision of dental services - PubMed [Internet]. [cited 21/9/2024]. Available at: <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/15853841/20240916152956.30%20co%20so.pdf> [Internet]. [cited 21/9/2024]. Available at: <https://soyte.hanoi.gov.vn/documents/3672249/8183749/20240916152956.30%20co%20so.pdf>
- [3] Lamprecht R, Struppek J, Heydecke G, Reissmann DR, Patients' criteria for choosing a dentist: Comparison between a university-based setting and private dental practices. *J Oral Rehabil*, 8/2020, 47(8): 1023-30.
- [4] Hồng Thúy Hạnh, Trịnh Minh Báo, Nguyễn Thị Khánh Huyền, Đỗ Sơn Tùng, Đỗ Hoàng Việt, Phùng Lâm Tới, Hoàng Bảo Duy, Thực trạng sâu răng của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021, *Tạp chí Y học Việt Nam*, tập 509, số 2, 12/2021, tr. 124-127.
- [5] Drachev S.N, Brenn T, Trovik T.A, Prevalence of and factors associated with dental anxiety among medical and dental students of the Northern State Medical University, Arkhangelsk, North-West Russia, *Int J Circumpolar Health*, 12/2018, 77(1): 1454786.
- [6] Moshkelgosha V, Mehrzadi M, Golkari A, The Public Attitude Towards Selecting Dental Health Centers, *J Dent (Shiraz)*, 9/2014, 15(3): 129-34.
- [7] Ungureanu M.I, Mocean F, What do patients take into account when they choose their dentist? Implications for quality improvement. *Patient Prefer Adherence*, 27/11/2015, 9: 1715-20.